

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HS-PT  
Ngày: 19-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thiện Tâm

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phụng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

*Bị cáo có kháng cáo:* **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày 10-01-1977, tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: Số D, hẻm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Kim S (đã chết); vợ Phan Thị V, sinh năm 1976 (đã ly hôn); con 02 người, sinh năm 1995 và năm 2001; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/3/2023 đến ngày 15/3/2023 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bà Võ Thị Hoàng O, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số A Quốc lộ F, phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số E đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Hồ Thị Hồng L1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số G đường P, phường D, thành phố T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

3. Bà Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số E ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T sinh sống tại nhà trọ của bà Nguyễn Thị Phương L. Trước Tết Nguyên Đ năm 2022, bị cáo T hỏi “mua đất” của bà L, nên bà L đã đưa cho bị cáo T bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 315050 do bà Nguyễn Thị Phương L đứng tên, thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: xã N, thành phố T, tỉnh Long An, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/7/2018. Sau khi có được thông tin về thửa đất trên, bị cáo T lên mạng xã hội Facebook thấy có người nhận làm giấy tờ giả nên bị cáo liên hệ thì được người này cho số điện thoại 086.952.1162, bị cáo gọi vào số điện thoại này được một người đàn ông nói giọng miền B ra giá làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 13.500.000 đồng và giấy chứng minh nhân dân giả là 1.500.000 đồng, bị cáo T đồng ý. Sau đó, bị cáo T chụp hình bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L và thông tin của bị cáo gửi qua zalo của số điện thoại trên. Khoảng 03 ngày sau, nhân viên giao hàng (không rõ nhân viên giao hàng của công ty nào) đem đến giao cho bị cáo T tại nhà trọ của bà L, bị cáo T mở ra xem thì thấy có một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Nguyễn Hoàng T số CO 315050, thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xã N, thành phố T, tỉnh Long An và một giấy chứng minh nhân dân giả số 351680202 mang tên Nguyễn Hoàng T. Đến ngày 27/01/2022 bị cáo T gặp bà Võ Thị Hoàng O để vay số tiền 300.000.000 đồng và thế chấp cho bà O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 315050 mang tên Nguyễn Hoàng T, thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xã N, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/11/2021, bà O không biết đây là giấy giả nên đồng ý và đã đưa trước cho bị cáo T 20.000.000 đồng tại trước Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1 (B), địa chỉ: Phường B, thành phố T, tỉnh Long An, số tiền 280.000.000 đồng còn lại cả hai thống nhất khi ra công chứng hợp đồng vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ đưa đủ. Đến khoảng 15 giờ ngày 27/01/2022, khi đang ở Văn phòng C, địa chỉ: Số G đường Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Long An để công chứng hợp đồng vay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà O nghi vấn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO315050 của bị cáo T là giấy giả nên bà O trình báo Công an.

Tại Kết luận Giám định số 132/KL-KTHS ngày 28/02/2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số CO 315050 mang tên Nguyễn Hoàng T, thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup> tại xã N, thành phố T, tỉnh Long An mà bị cáo T đã sử dụng để thế chấp cho bà Võ Thị Hoàng O tại Văn phòng C là giả.

Tại Kết luận Giám định số 291/KL-KTHS ngày 21/4/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: “Giấy chứng minh nhân dân” số 351680202 mang tên Nguyễn Hoàng T là giả.

Đồ vật, tài liệu bị thu giữ gồm: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO315050 mang tên Nguyễn Hoàng T, thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xã N, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/7/2021 và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 351680202 mang tên Nguyễn Hoàng T, hiện nay được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Đối với người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy chứng minh nhân dân giả cho bị cáo T hiện nay chưa xác định được nhân thân, lý lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với số điện thoại 0869521162 mà bị cáo T liên lạc để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng minh nhân dân giả, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tra cứu tại Công ty V1, kết quả đây là số điện thoại được đăng ký của bà Lê Thị L2, sinh năm 1993, địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên qua xác minh không có người tên Lê Thị L2, sinh năm 1993 sinh sống tại địa chỉ nêu trên.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Nguyễn Hoàng T đã trả lại cho người bị hại Võ Thị Hoàng O số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2023/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 50; Điều 15; Điều 57; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (sáu) năm tù.

2. Căn cứ: Điểm b khoản 3, Điều 341; Điều 50; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 03 (ba) năm tù.

3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về thời gian tiếp tục tạm giam, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo cho rằng mức án Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tuyên phạt đối với bị cáo là cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo trình tự thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T.

Bị cáo tranh luận: Mục đích bị cáo làm giả GCNQSDĐ mang tên của bị cáo là cho người khác biết bị cáo có tài sản là nhà ở và đất, không nhằm mục đích dùng giấy này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà O.

Lời nói sau cùng: Bị cáo mong được Hội đồng xét xử xem xét lại cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Hoàng T kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hoàng T không thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm đã nêu. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của Công an P, thành phố T, tỉnh Long an; lời khai của người bị hại; người làm chứng; các Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung đối với bị cáo T và Bản tự khai của bị cáo trước thời điểm mở phiên xét xử theo trình tự sơ thẩm lần thứ nhất; Biên bản thu giữ vật chứng và các Kết luận giám định, tất cả là phù hợp với nhau. Do đó, có đủ cơ sở kết luận rằng:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng T là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

- Trong khoảng thời gian cuối năm 2021, thông qua việc bị cáo Nguyễn Hoàng T hỏi mua thửa đất của bà Nguyễn Thị Phương L, nên bị cáo có được bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 315050 đối với thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup> tại xã N, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/7/2018 cho bà L đứng tên. Trên thửa đất này, có phần nhà ở của bà L cho bị cáo thuê ở trọ.

- Nhằm để có tiền trả nợ cho người khác, bị cáo T đã đặt làm giả một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 315050 đối với thửa đất số 2262, tờ bản đồ số 3, diện tích 621,8 m<sup>2</sup> tại xã N, thành phố T, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 17/11/2021 cho bị cáo đứng tên và cùng một Giấy chứng minh nhân dân giả mang

tên bị cáo. Bà Võ Thị Hoàng O không biết GCNQSDĐ trên do bị cáo T đứng tên là giả, nên đồng ý thỏa thuận cho bị cáo vay số tiền 300.000.000 đồng, nhận thế chấp đất do bị cáo đứng tên và giao cho bị cáo nhận trước số tiền 20.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 27/01/2022, bị cáo T cùng bà O đến Văn phòng Công chứng Hồ Thị Hồng L1 lập Hợp đồng thế chấp để vay tài sản và bà O sẽ giao số tiền còn lại cho bị cáo sau khi ký hợp đồng. Văn phòng Công chứng phát hiện GCNQSDĐ cùng Giấy chứng minh nhân dân mang tên bị cáo T là giả, nên bị ngăn chặn. Bị cáo T hướng đến việc chiếm đoạt của bà O số tiền 300.000.000 đồng. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu hoặc con dấu giả của cơ quan tổ chức” như án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Do đó, bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Từ những căn cứ và nhận định trên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí, do kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng T. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hoàng T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 50; Điều 15; Điều 57; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 06 (S1) năm tù.

2. Căn cứ: Điểm b khoản 3, Điều 341; Điều 50; Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 03 (Ba) năm tù.

3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/3/2023.

Căn cứ Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hoàng T 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 19-6-2024 để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng án phí, sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND thành phố Tân An (02);
- VKSND thành phố Tân An (01);
- Chi cục THADS thành phố Tân An (01);
- Bị cáo (01);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thiện Tâm**